

## §12. Phép chia phân số

### A. Mục tiêu

- HS hiểu khái niệm số nghịch đảo và biết cách tìm số nghịch đảo của một số khác 0.
- HS hiểu và vận dụng được quy tắc chia phân số.
- Có kỹ năng thực hiện phép chia phân số.

### B. Những điểm cần lưu ý

Để học tốt phép chia phân số, HS cần nắm vững khái niệm số nghịch đảo và phép nhân phân số. Cũng cần chú ý rằng phép chia là phép toán ngược của phép nhân.

GV chưa nên đưa kí hiệu của số nghịch đảo  $\left(\frac{a}{b}\right)^{-1} = \frac{b}{a}$  ( $a \neq 0$ ).

30

### Bài 90.

$$\begin{array}{lll} \text{a) } x = \frac{14}{9} ; & \text{b) } x = \frac{8}{3} ; & \text{c) } x = \frac{-8}{5} ; \\ \text{d) } x = \frac{91}{60} ; & \text{e) } x = \frac{-8}{63} ; & \text{g) } x = \frac{150}{-133} . \end{array}$$

**Bài 91.** 300 chai.

**Bài 92.** Thời gian Minh đi từ trường về nhà là  $\frac{1}{6}$  giờ hay 10 phút.

### Bài 93.

$$\begin{array}{l} \text{a) } \frac{4}{7} : \left(\frac{2}{5} \cdot \frac{4}{7}\right) = \left(\frac{4}{7} : \frac{4}{7}\right) : \frac{2}{5} = 1 : \frac{2}{5} = \frac{5}{2} ; \\ \text{b) } \frac{6}{7} + \frac{5}{7} : 5 - \frac{8}{9} = \frac{6}{7} + \frac{5}{7} \cdot \frac{1}{5} - \frac{8}{9} = \frac{6}{7} + \frac{1}{7} - \frac{8}{9} = 1 - \frac{8}{9} = \frac{1}{9} . \end{array}$$

### E. Tài liệu bổ sung

Các bài tập có thể chọn thêm : Từ bài 96 đến bài 110 (sách Bài tập Toán 6, tập II), các bài 108, 109, 110 dành cho HS khá, giỏi.

### C. Gợi ý dạy học

GV cho HS trả lời câu hỏi [?1], [?2], rồi rút ra định nghĩa hai số nghịch đảo của nhau. Chú ý rằng định nghĩa này cũng là một điều kiện cần và đủ.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép chia  $\frac{2}{7} : \frac{3}{4}$  (đã học ở Tiểu học). Từ kết quả cuối cùng  $\frac{2}{7} : \frac{3}{4} = \frac{2}{7} \cdot \frac{4}{3}$ , cho HS phát biểu quy tắc chia một phân số cho một phân số.

Tiếp đó cho HS làm [?5]. Dụng ý của bài tập này là hướng dẫn HS cách làm và trình bày mẫu để HS áp dụng làm [?6]. Ở [?6] có các trường hợp : Chia phân số cho phân số (câu a), chia số nguyên cho phân số (câu b), chia phân số cho số nguyên (câu c) (cho HS áp dụng "Nhận xét" để làm). Các số nguyên đều viết dưới dạng phân số có mẫu là 1 để có thể áp dụng được quy tắc chia phân số.

### D. Hướng dẫn giải bài tập

#### Bài 85.

Đối với HS trung bình trở xuống, chỉ yêu cầu tìm được thêm một cách viết nữa là đủ. Đối với HS khá, giỏi yêu cầu tìm được nhiều hơn.

Bài này có tất cả 8 cách viết. Từ kết quả của bài tập 70, ta có các cách viết sau :

$$\begin{array}{lll} \frac{6}{35} = \frac{1}{5} \cdot \frac{6}{7} = \frac{1}{5} : \frac{7}{6} ; & \frac{6}{35} = \frac{2}{5} \cdot \frac{3}{7} = \frac{2}{5} : \frac{7}{3} ; & \frac{6}{35} = \frac{6}{7} \cdot \frac{1}{5} = \frac{6}{7} : \frac{5}{1} ; \\ \frac{6}{35} = \frac{3}{7} \cdot \frac{2}{5} = \frac{3}{7} : \frac{5}{2} ; & \frac{6}{35} = \frac{6}{5} \cdot \frac{1}{7} = \frac{6}{5} : \frac{7}{1} ; & \frac{6}{35} = \frac{3}{5} \cdot \frac{2}{7} = \frac{3}{5} : \frac{7}{2} ; \\ \frac{6}{35} = \frac{1}{7} \cdot \frac{6}{5} = \frac{1}{7} : \frac{5}{6} ; & \frac{6}{35} = \frac{2}{7} \cdot \frac{3}{5} = \frac{2}{7} : \frac{5}{3} . & \end{array}$$

#### Bài 87.

c) Kết luận :

Nếu số chia bằng 1 thì thương bằng số bị chia.

Nếu số chia nhỏ hơn 1 thì thương lớn hơn số bị chia.

Nếu số chia lớn hơn 1 thì thương nhỏ hơn số bị chia.

#### Bài 88.

Chu vi của tấm bìa là  $\frac{46}{21}$  m.